

Số: 65/BC-STP

Tuyên Quang, ngày 27 tháng 4 năm 2020

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định ban hành danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Ngày 20/4/2020, Sở Tư pháp nhận đủ hồ sơ gửi thẩm định dự thảo Quyết định ban hành danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang do Sở Tài chính đề nghị tại Văn bản số 602/STC-QLG&CS ngày 20/4/2020 về việc đề nghị thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Sau khi nghiên cứu, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

I. CĂN CỨ THẨM ĐỊNH VĂN BẢN

- Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;
- Luật ngân sách nhà nước năm 2015;
- Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sau đây viết tắt là *Nghị định số 34/2016/NĐ-CP*);
- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;
- Khoản 3 Điều 3¹, khoản 2 Điều 5², khoản 1, khoản 2³ Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn

¹ Theo Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định:

“Điều 3. Quy định tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định

3. ... Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) có thể ban hành Danh mục tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này là tài sản cố định đối với các tài sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) ...

2 Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định:

“Điều 5. Tài sản cố định đặc thù

2. Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại khoản 1 Điều này, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này) để thống nhất quản lý”.

³ Khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định:

“Điều 14. Xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định

chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC);

- Một số văn bản pháp luật có liên quan.

II. NỘI DUNG THẨM ĐỊNH (Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của dự thảo Quyết định với hệ thống pháp luật; sự phù hợp của nội dung dự thảo Quyết định với các quy định trong văn bản đã giao quy định chi tiết)

1. Điều 1 (Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng),

- Phạm vi điều chỉnh tại điểm a, khoản 1 Điều này quy định “*Quyết định này Ban hành danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1⁴, khoản 2⁵ Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Bộ Tài chính (sau đây viết tắt là Thông tư số 45/2018/TT-BTC); Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang*” là chưa thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định tại khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định “*1. Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 và khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính) (tại Phụ lục số 01 kèm theo Quyết định này)*”, vì theo khoản 1 Điều 2 dự thảo Quyết định thì ngoài danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC theo khoản 3 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC còn quy định danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản vô hình theo khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC.

- Khoản 2 quy định:

“2. Đối tượng áp dụng

a) *Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị- xã hội và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).*

1. Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình thực hiện theo quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Đối với tài sản cố định hữu hình được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản cố định, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng của tài sản cố định khác với quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ Tài chính; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản cố định không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn tài sản cố định quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quy định danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương (theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư này)...”.

⁴ Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định hữu hình.

⁵ Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình.

b) Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội- nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý tài sản chưa đủ tiêu chuẩn quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Thông tư số 45/2018/TT-BTC; Danh mục tài sản cố định đặc thù”.

Tuy nhiên Điều 2 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định quy định tại Thông tư này được áp dụng đối với:

a) Tài sản cố định tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội;

b) Tài sản cố định là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

c) Tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội áp dụng các quy định tại Thông tư này để quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công”.

Trong thực tế, một số tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội cũng được nhà nước giao hoặc tài sản được hình thành từ ngân sách nhà nước như trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của tổ chức... theo quy định tại khoản 1 Điều 69, khoản 2 Điều 70 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017. Vì vậy, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu Điều 2 Thông tư số 45/2018/TT-BTC đề quy định cho phù hợp.

2. Dự thảo Phụ lục số 01 (Quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình) ban hành kèm theo dự thảo Quyết định

Dự thảo Tờ trình chưa trình bày cơ sở của việc xây dựng quy định thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình, tuy nhiên qua nghiên cứu quy định về thời gian bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ tại Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ; năm 2019 tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ) (viết tắt là Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung)) và thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình nhận thấy, đa số tài sản cố định vô hình tại dự thảo Phụ lục số 01 quy định thời gian sử dụng

tài sản cố định vô hình bằng thời gian bảo hộ quyền sở hữu theo Luật Sở hữu trí tuệ (*sửa đổi, bổ sung*) (như Bằng độc quyền sáng chế, Giải pháp hữu ích, Kiểu dáng công nghiệp, Nhãn hiệu hàng hóa, Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn), nhưng tại Phụ lục số 01 quy định thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản đối với một số tài sản cố định vô hình ngắn hơn nhiều so với thời gian được bảo hộ theo Luật Sở hữu trí tuệ (*sửa đổi, bổ sung*) cụ thể:

STT	Danh mục	Quy định tại dự thảo Phụ lục 01	Quy định Luật Sở hữu trí tuệ (<i>sửa đổi, bổ sung</i>)
Loại 1	Quyền tác giả	25 năm	Điều 27 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung quy định thời hạn bảo hộ quyền tác giả như sau: <i>“1. Quyền nhân thân quy định tại các khoản 1, 2 và 4 Điều 19 của Luật này được bảo hộ vô thời hạn.</i> <i>2. Quyền nhân thân quy định tại khoản 3 Điều 19 và quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật này có thời hạn bảo hộ như sau:</i> <i>a) Tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm khuyết danh có thời hạn bảo hộ là bảy mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được công bố lần đầu tiên; đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố trong thời hạn hai mươi lăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình thì thời hạn bảo hộ là một trăm năm, kể từ khi tác phẩm được định hình; đối với tác phẩm khuyết danh, khi các thông tin về tác giả xuất hiện thì thời hạn bảo hộ được tính theo quy định tại điểm b khoản này;</i> <i>b) Tác phẩm không thuộc loại hình quy định tại điểm a khoản này có thời hạn bảo hộ là suốt cuộc đời tác giả và năm mươi năm tiếp theo năm tác giả chết; trường hợp tác phẩm có đồng tác giả thì thời hạn bảo hộ chấm dứt vào năm thứ năm mươi sau năm đồng tác giả cuối cùng chết...</i>
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp		
6	Quyền sở hữu công nghiệp khác	10 năm	Khoản 7 Điều 93 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung quy định <i>“7. Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý có hiệu lực vô thời hạn kể từ ngày cấp”</i> .
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng		
1	Giống cây thân gỗ	25 năm	Khoản 2 Điều 169 Luật Sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung quy định <i>“2. Bằng bảo hộ giống cây trồng có hiệu lực kể từ ngày cấp đến hết hai mươi lăm năm đối với giống cây thân gỗ và cây nho; đến hết hai mươi năm đối với các giống cây trồng khác”</i> .
2	Cây trồng khác	20 năm	

Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xem xét thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản đối với Quyền tác giả, Quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý, Quyền đối với giống cây nho để đảm bảo thống nhất về cách xác định với các

loại tài sản vô hình khác tại dự thảo Phụ lục này theo Luật Sở hữu trí tuệ (sửa đổi, bổ sung) và phù hợp theo khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC⁶.

3. Thể thức, kỹ thuật soạn thảo văn bản

Đề nghị rà soát chỉnh sửa thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo văn bản theo quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

III. KẾT LUẬN

Đề nghị cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến thẩm định nêu tại Phần II Báo cáo thẩm định này để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Quyết định.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp về dự thảo Quyết định ban hành danh mục tài sản, thời gian sử dụng, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định hữu hình; Tài sản cố định vô hình và Danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Tài chính;
- Giám đốc Sở;
- Trang TTĐT STP;
- Lưu VT, XDKTTHPL&PBGDPL.
Loan.4b.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thược

⁶ Khoản 2 Điều 14 Thông tư số 45/2018/TT-BTC quy định: “2...Thời gian sử dụng của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 04 (bốn) năm và không cao hơn 50 (năm mươi) năm...”.